

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DS-ST

Ngày: 30-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vương Thị Vui;

2/ Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST-DS ngày 12/10/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị H, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 5 năm 2018, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Bà T khởi kiện bà H về việc vay tài sản. Bà T cho bà H vay tiền hai lần.
Cụ thể:

Lần 1: Ngày 02/12/2017 bà T có cho bà H vay số tiền là 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, không hẹn ngày thanh toán. Bà H có làm giấy nợ do chính bà H viết và ký tên.

Lần 2: Ngày 13/3/2018 bà T tiếp tục cho bà H vay số tiền là 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 22/3/2018 sẽ hoàn trả. Bà H có làm giấy mượn tiền do chính bà H viết và ký tên.

Tuy nhiên đến hạn bà H không thanh toán tiền cho bà T nên bà T nhiều lần đến nhà yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H chỉ trả được 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 400.000.000 đồng đến nay bà H vẫn chưa trả.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 400.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà T không có ý kiến gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2018 bị đơn (bà H) trình bày:*

Bà H có vay tiền của bà T nhiều lần vào đầu năm 2018, cụ thể thời gian nào thì bà H không nhớ. Hiện nay bà H còn nợ bà T tiền vay tổng cộng là 300.000.000 đồng. Ngoài ra bà H có tham gia hội do bà T làm chủ hội năm 2017. Cụ thể thời gian nào thì bà H không nhớ. Bà H đóng bao nhiêu, hốt bao nhiêu tiền bà cũng không nhớ. Bà H chỉ biết còn nợ bà T 100.000.000 đồng tiền hội.

Bà H thừa nhận giấy mượn tiền ngày 13/3/2018 và giấy nợ ngày 02/12/2017 là do bà H viết và ký tên. Nhưng hai giấy nợ này là số tiền bà H mượn trước đó và đã trả xong, không phải số tiền bà H mượn còn nợ. Khi trả tiền hai giấy nợ này thì bà H không có làm giấy tờ gì.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 400.000.000 đồng thì bà H đồng ý trả.

Ngoài ra bà H không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Ngày 29/5/2018 bà Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị H thanh toán số tiền vay là 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 13/3/2018 và giấy nợ ngày 02/12/2017. Bà H cho rằng chỉ nợ bà T 300.000.000 đồng tiền vay, còn 100.000.000 đồng là tiền hụi. Nhưng bà H không có chứng cứ gì chứng minh. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà H có nơi cư trú tại ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bà H vắng mặt nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, các tài liệu, chứng cứ và tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại Điều 179, Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T cho bà H vay tiền hai lần. Lần 1: Ngày 02/12/2017 bà T có cho bà H vay số tiền là 200.000.000 đồng. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, không hẹn ngày thanh toán. Lần 2: Ngày 13/3/2018 bà T tiếp tục cho bà H vay số tiền là 300.000.000 đồng và hẹn đến ngày 22/3/2018 sẽ hoàn trả. Hai lần bà H đều có làm giấy do chính bà H viết và ký tên. Bà H có trả cho bà T được 100.000.000 đồng. Bà H còn nợ lại số tiền là 400.000.000 đồng. Nên, bà T khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 400.000.000 đồng. Bà T có chứng cứ chứng minh là giấy nợ ngày 02/12/2017 và giấy mượn tiền ngày 13/3/2018.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ bà T cung cấp là bản chính. Theo giấy nợ ngày 02/12/2017, hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả nhưng không được. Giấy mượn tiền ngày 13/3/2018, bà H hẹn đến ngày 22/3/2018 sẽ trả tiền. Nhưng đến hẹn bà H vẫn không trả. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu bà H trả tiền là phù hợp Điều 469, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Theo biên bản lấy lời khai ngày 11/8/2018 bà H thừa nhận giấy nợ ngày 02/12/2017 và giấy mượn tiền ngày 13/3/2018 do chính bà H viết và ký tên nên có cơ sở khẳng định chứng cứ mà bà T cung cấp là có giá trị chứng minh. Bà T yêu cầu bà H thanh toán số tiền là 400.000.000 đồng. Bà H thừa nhận còn nợ và đồng ý thanh toán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Bà T không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 179, 227, 228, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 463, 466, 469, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của bà Vũ Thị T đối với bà Đào Thị H.

Buộc bà Đào Thị H có trách nhiệm trả cho bà Vũ Thị T 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Vũ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đào Thị H không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đào Thị H phải chịu 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà Vũ Thị T 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011903 ngày 30 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Linh